

Bài 9

NHẬT BẢN

Tiết 1 TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS cần :

1. Kiến thức

- Biết vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Nhật Bản.
- Trình bày đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và phân tích được những thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế.
- Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới phát triển kinh tế.
- Trình bày và giải thích được tình hình kinh tế Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

2. Kỹ năng

- Sử dụng bản đồ (lược đồ) để nhận biết và trình bày một số đặc điểm tự nhiên.
- Nhận xét các số liệu, tư liệu.

3. Thái độ

Có ý thức học tập người Nhật trong lao động, học tập, thích ứng với tự nhiên, sáng tạo để phát triển phù hợp với hoàn cảnh

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT

Bản đồ Địa lí tự nhiên Nhật Bản.

III. TRỌNG TÂM BÀI

- Một số đặc điểm chủ yếu về tự nhiên, dân cư Nhật Bản và tác động của chúng đến phát triển kinh tế.
- Tình hình kinh tế Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

MỤC I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

* Hoạt động 1 : Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát bản đồ Địa lí tự nhiên Nhật Bản, kết hợp với lược đồ tự nhiên Nhật Bản trong SGK để nhận xét được :

+ Đặc điểm nổi bật về vị trí địa lí và lãnh thổ Nhật Bản. Nhận xét những tác động của chúng đến sự phát triển kinh tế.

+ Đặc điểm chủ yếu của địa hình, sông ngòi, bờ biển và các dòng biển ở các vùng biển quanh Nhật Bản, phân tích những tác động của chúng đến sự phát triển kinh tế.

– Sau khi HS trả lời, GV kết luận các ý đúng và trình bày thêm về núi lửa, động đất ở Nhật Bản.

– Tiếp tục GV yêu cầu HS tìm trên bản đồ các hướng gió thổi theo mùa ; các vĩ độ đi qua lãnh thổ Nhật Bản, dự đoán về đặc điểm khí hậu Nhật Bản. Sau đó GV gọi cho HS nhớ lại kiến thức đã học ở Địa lí 10 về đặc điểm các đới khí hậu, vận dụng vào bài để nêu đặc điểm của khí hậu Nhật Bản (ôn đới, cận nhiệt đới gió mùa, mưa lớn quanh năm, thay đổi từ Bắc xuống Nam).

– Tiếp theo, GV yêu cầu HS quan sát bản đồ Địa lí tự nhiên Nhật Bản, kết hợp với lược đồ trong SGK và hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi : "Khó khăn lớn nhất về tự nhiên của Nhật Bản đối với sự phát triển kinh tế là gì ?" (GV gợi mở thêm để HS toàn lớp có thể nhận thức được khó khăn về thiếu hụt các tài nguyên khoáng sản cho phát triển công nghiệp, thiếu đất trồng cho nông nghiệp).

MỤC II. DÂN CƯ

* Hoạt động 2 : Tìm hiểu về dân cư

– HS theo từng cặp, phân tích bảng 9.1, kết hợp với đọc thông tin ở mục II, rút ra các nhận xét về xu hướng biến động của dân số Nhật Bản (tốc độ tăng dân số hàng năm giảm dần, tỉ lệ người già ngày càng cao) và nêu tác động của xu hướng đó đến phát triển kinh tế – xã hội.

– GV có thể kể cho HS nghe một số mẩu chuyện về dân cư Nhật Bản, thể hiện rõ các đặc tính cần cù, có tinh thần trách nhiệm cao, ham học. Sau khi GV kể xong, yêu cầu HS dựa vào nội dung câu chuyện đã kể, nêu khái quát các đặc

điểm dân cư Nhật Bản và trả lời câu hỏi : "Các đặc điểm trên của dân cư có tác động như thế nào đến nền kinh tế Nhật Bản ?".

MỤC III. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

*** Hoạt động 3 : Tìm hiểu tình hình phát triển kinh tế**

– Yêu cầu HS theo nhóm cặp đôi, phân tích bảng 9.2, nhận xét về tốc độ tăng GDP bình quân của Nhật Bản giai đoạn 1950 – 1973.

– Sau khi một số HS trình bày kết quả làm việc, GV khái quát tốc độ phát triển của kinh tế Nhật Bản, gọi đó là bước nhảy vọt thần kì. Từ đó đặt câu hỏi thu hút sự chú ý của HS : "Tại sao từ một nền kinh tế bị suy sụp nghiêm trọng sau chiến tranh, từ năm 1950 đến 1973, Nhật Bản đã có tốc độ tăng trưởng kinh tế rất cao như vậy ?".

– GV phân tích các nguyên nhân chủ yếu của sự phát triển nhanh chóng nền kinh tế Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1973. Lưu ý liên hệ với một số chủ trương, biện pháp phát triển kinh tế nước ta hiện nay về công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển nền kinh tế nhiều thành phần.

– GV nêu thông tin : Từ sau năm 1973, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Nhật Bản giảm xuống, đến năm 1980 chỉ đạt 2,6% và đặt câu hỏi thu hút sự chú ý của HS : "Nguyên nhân nào làm cho nền kinh tế Nhật Bản có sự giảm sút nhanh như vậy ? Chính phủ Nhật Bản đã có những biện pháp gì để khôi phục nền kinh tế ?"

GV trình bày về các hướng điều chỉnh chiến lược phát triển và nêu kết quả đạt được (nền kinh tế "bong bóng", với tốc độ tăng trưởng trung bình 5,3%).

– Yêu cầu HS làm việc theo nhóm cặp đôi, phân tích bảng 9.3, nhận xét về tốc độ tăng GDP của Nhật Bản từ 1995 – 2005.

– Tiếp nối trả lời của HS, GV giới thiệu nội dung cuối của mục.

V. THÔNG TIN

1. Giải đáp câu hỏi khó trong SGK

– Những khó khăn lớn nhất về tự nhiên của Nhật Bản đối với sự phát triển kinh tế hiện nay là :

+ Thiếu tài nguyên khoáng sản, đặc biệt là dầu mỏ, quặng sắt, các loại quặng kim loại màu,...

+ Các thiên tai thường xuyên xảy ra : núi lửa, động đất, bão và sóng thần.

– Đức tính cần cù, có tinh thần trách nhiệm cao, coi trọng giáo dục đã trở thành động lực quan trọng trong việc phát triển nền kinh tế Nhật Bản. Với một đất nước có rất nhiều khó khăn về tự nhiên, thì ý chí, nghị lực và các đức tính quý báu của người Nhật đã đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc phát triển đất nước. Nền kinh tế Nhật Bản đã phát triển theo hướng sử dụng triệt để các đặc tính đó.

2. Thông tin bổ sung

MỘT SỐ NÉT VỀ TỰ NHIÊN

– Nhật Bản có đường bờ biển dài 29750 km, phần lớn biển không đóng băng, bờ biển bị chia cắt tạo thành nhiều vịnh thuận lợi cho xây dựng hải cảng, tàu bè trú ngụ. Biển của Nhật Bản có nhiều cá.

– Nhật Bản nằm cách Hoa Kỳ 9000 km, cách các nước Tây Âu 20000 km.

– Địa hình đồi núi chiếm hơn 80% diện tích. Đồng bằng nhỏ hẹp và phân bố ven biển, đất đai khá tốt, chiếm khoảng 13% diện tích. Trong đó, đồng bằng Can-tô, nằm trên đảo Hôn-su là đồng bằng lớn nhất. Do thiếu đất, nên người Nhật canh tác cả trên những vùng đất có độ dốc tới 15°.

– Nhật Bản nằm trong vùng không ổn định của vỏ Trái Đất, thường xuyên chịu ảnh hưởng của động đất, núi lửa, sóng thần. Mỗi năm, trung bình Nhật Bản phải chịu khoảng 1000 trận động đất lớn, nhỏ, hiện có khoảng 80 ngọn núi lửa đang hoạt động. Nước Nhật đã trải qua nhiều trận động đất lớn và bị thiệt hại nặng nề như các trận động đất năm 1923 ở thành phố Tô-ki-ô, năm 1995 ở thành phố Cô-bê,...

– Khí hậu : Hầu hết các miền của Nhật Bản đều có bốn mùa rõ rệt :

+ Mùa hè ấm và ẩm, bắt đầu vào khoảng giữa tháng 7. Trước đó là mùa mưa thường kéo dài khoảng một tháng, trừ Hô-cai-đô hầu như không có mùa mưa.

+ Mùa đông phía Thái Bình Dương thường ôn hoà với nhiều ngày nắng, còn phía biển Nhật Bản thường u ám. Vùng núi cao là nơi có nhiều tuyết. Đảo Hô-cai-đô được đặc trưng bằng những mùa đông khá khác nghiệt.

+ Mùa xuân và mùa thu là những mùa tốt nhất trong năm, khí hậu ôn hoà và rực ánh Mặt Trời trên khắp đất nước, mặc dù tháng 9 thường có bão, có thể là lở đất bởi những trận mưa như trút và gió mạnh. Mưa rất lớn, từ 1000 đến 2500mm/năm, đặc biệt có nơi tối đa đến 4000 mm/năm.

– Bờ biển dài, với nhiều hải cảng. Vùng núi có nhiều thung lũng, các con sông chảy xiết và các hồ nước trong. Nhật Bản có nhiều ngọn núi cao trên 2000m. Cao nhất là núi Phú Sĩ 3776m. Mặc dù từ năm 1707 Phú Sĩ đã ngừng phun, nhưng vẫn được xem là một trong khoảng 80 ngọn núi lửa còn hoạt động của

Nhật Bản. Những vùng có núi lửa hoạt động thường có các suối khoáng nóng, có thể dùng làm nơi nghỉ ngơi và chữa bệnh cho hàng triệu người Nhật và du khách nước ngoài.

Địa hình phức tạp của Nhật Bản đã tạo nên những cảnh đẹp, như những hồ tuyết trên núi, những hẻm đá, những con sông chảy xiết, những đỉnh núi gồ ghề, những thác nước mơ mộng có ý nghĩa rất lớn trong hoạt động du lịch.

– Sông ở Nhật Bản chủ yếu là các sông nhỏ, ngắn, dốc tập trung ở miền núi, có giá trị thủy điện. Trữ lượng thủy điện khoảng 20 triệu kW. Các sông dài nhất là Si-na (369 km), I-xi-ca-rô (365 km).

– Nhật Bản là nước có tỉ lệ diện tích rừng bao phủ lớn nhất ở châu Á, với 64% diện tích đất tự nhiên được rừng bao phủ.

MỘT SỐ NÉT VỀ DÂN CƯ, XÃ HỘI

– Nhật Bản là nước có mật độ dân số cao. Sự phân bố dân cư không đều, tập trung tới 90% ở các thành phố và các đồng bằng ven biển. Quá trình đô thị hoá nhanh. Năm 1950, tỉ lệ dân đô thị là 40%, năm 2004 là 79%.

– Nhật Bản là nước có dân số già, tỉ lệ người già trên 65 tuổi tăng nhanh. Tuổi thọ của Nhật hiện nay cao nhất thế giới.

– Nhật Bản có tới 10 thành phố trên 1 triệu dân, chuỗi đô thị từ Tô-ki-ô đến Phu-cu-ô-ca có tới trên 30 triệu người.

– Mức sống của người dân Nhật Bản tăng nhanh, hiện có hơn 3/4 số hộ gia đình có xe hơi.

– Khoảng 90% người Nhật coi mình thuộc tầng lớp trung lưu, và hiện nay, công nhân Nhật Bản có mức lương vào loại cao nhất thế giới. Tuy nhiên, thời gian làm việc của công nhân Nhật Bản nhiều hơn và số ngày nghỉ cũng ít hơn nhiều nước công nghiệp phát triển khác.

– Địa vị phụ nữ trong xã hội Nhật Bản được cải thiện đáng kể sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Chính phủ đã thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để cải thiện tình hình làm việc của phụ nữ. Tuy nhiên, quan niệm cho rằng nam giới cần làm việc và phụ nữ cần ở nhà vẫn còn chi phối xã hội Nhật Bản. Hiện nay, chính phủ Nhật Bản đang hết sức cố gắng để cải thiện các cơ hội làm việc cho phụ nữ bằng cách khuyến khích các công ti lập ra chế độ nghỉ phép nuôi con và các chế độ khác, giúp phụ nữ có thể quay trở lại làm việc sau khi sinh con.

– Trình độ học vấn là một nhân tố quan trọng để làm việc suốt đời. Để có được một việc làm trong công ti hàng đầu ở Nhật Bản cần phải tốt nghiệp một trường đại học hàng đầu, và để đạt được điều đó thì lại phải tốt nghiệp các

trường trung học hàng đầu. Do sự cạnh tranh quyết liệt trong các kì thi vào trường, nên ngày càng có nhiều HS theo học các trường "luyện thi" tư nhân. Những trường này được lập ra để dạy thêm, giúp các HS thi vào được các trường mà họ chọn, hiện có ở tất cả các cấp học từ các nhà trẻ cho đến các kì thi vào các trường đại học.

– Người Nhật rất chú trọng đầu tư cho giáo dục và nghiên cứu khoa học. Hệ thống giáo dục hiện nay : cấp 1 là 3 năm, cấp 2 là 3 năm, cấp 3 là 4 năm, đại học không bắt buộc. HS và sinh viên Nhật có phẩm chất đạo đức và tính kỉ luật, chăm học đứng hàng đầu thế giới.

– Nhật Bản là dân tộc có tính thuần nhất cao, trên 90% dân số là người Nhật. Chính vì vậy, người Nhật có lòng tự hào dân tộc rất cao. Người Nhật được ca ngợi với nhiều đức tính tốt đẹp : kỉ luật, trung thực, cần cù, chịu khó, tiết kiệm, cường độ làm việc cao và hiếu học.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ

– Cơ cấu kinh tế hai tầng

Cơ cấu kinh tế hai tầng : vừa phát triển các xí nghiệp lớn, vừa duy trì những cơ sở sản xuất nhỏ, thủ công.

Cơ cấu này đến nay vẫn được tiếp tục duy trì phát triển. Nhật Bản hiện có 6,48 triệu doanh nghiệp vừa và nhỏ, chiếm 99% tổng số doanh nghiệp trong nước, chiếm 52% tổng thu nhập quốc dân, thu hút 43,4 triệu lao động.

Nhờ các xí nghiệp này, tỉ lệ thất nghiệp của Nhật Bản được giảm thiểu còn khoảng 2 – 2,2%.

– Sự điều chỉnh chiến lược sau hai cuộc khủng hoảng dầu mỏ 1973 – 1974 và 1979 – 1980

Hai cuộc khủng hoảng dầu mỏ 1973 – 1974, 1979 – 1980 đã gây nhiều khó khăn cho nền kinh tế, làm tốc độ tăng trưởng giảm xuống chỉ còn 2,6% (năm 1980). Một lần nữa, Chính phủ Nhật Bản đã phải điều chỉnh lại chiến lược phát triển xoay quanh các hướng chủ yếu :

– Đầu tư phát triển khoa học – kĩ thuật và công nghệ ;

– Tập trung xây dựng các ngành công nghiệp đòi hỏi nhiều chất xám, trình độ kĩ thuật cao, có tác dụng tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu và lao động nhiều hơn ;

– Đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài ;

– Hiện đại hoá và hợp lí hoá các xí nghiệp nhỏ và trung bình (là các xí nghiệp có khả năng chiếm lĩnh thị trường "ngách" và phản ứng linh hoạt đối với các biến động của thị trường),...

Kết quả là nền kinh tế được phục hồi. Thời kì 1986 – 1990 được gọi là nền kinh tế "bong bóng", với tốc độ tăng GDP trung bình 5,3%.

– Nền kinh tế bong bóng

Phần lớn nguồn vốn để mở rộng sản xuất của Nhật Bản vào cuối những năm 80 của thế kỉ XX có được, nhờ thông qua lạm phát trong các thị trường chứng khoán, ngân hàng và bất động sản. Người Nhật gọi đó là "nền kinh tế bong bóng".

Hiện tượng "bong bóng" này được tạo ra thông qua sự kết hợp lãi suất cho vay thấp của ngân hàng, việc nối lỏng từng phần các quy định tài chính, sự tăng giá trên thị trường chứng khoán Tô-ki-ô, giá bất động sản tăng vọt một cách phi lí.

Lo ngại trước hiện tượng khác thường này, ngân hàng Nhật Bản đã ban hành chính sách lãi suất cao vào năm 1990 và đầu năm 1991. Chính sách này làm giảm cơn sốt vay tiền đầu tư vào bất động sản và mua cổ phiếu (giá cổ phiếu trung bình trên thị trường chứng khoán Nikkei giảm từ 40.000 điểm cuối năm 1989 xuống gần 16.000 điểm cuối 1992). Nhưng do có quá nhiều khoản vay lớn bị trói buộc vào kinh doanh bất động sản và chứng khoán, nên lúc kinh tế bong bóng sụp đổ cũng là lúc các ngân hàng Nhật Bản phải đứng trước một núi các khoản nợ khó đòi hay không đòi được. Hệ thống tài chính tiền tệ Nhật Bản rơi vào tình trạng khó khăn, không thực hiện được chức năng của nó đối với nền kinh tế, buộc chính phủ phải đưa ra các biện pháp cứu trợ.